BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1420 /UBCK-QLCB
V/v hồ sơ CBTT về thoái vốn của Tổng Công ty Viglacera tại CTCP Thủy tinh Gò Vấp

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: Tổng Công ty Viglacera - CTCP

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận được Hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn của Tổng Công ty Viglacera – CTCP tại CTCP Thủy tinh Gò Vấp theo Báo cáo thoái vốn ngày 26/11/2015 và tài liệu bổ sung đến ngày 09/3/2016. UBCKNN có ý kiến như sau:

1. Về việc công bố thông tin

– Đề nghị Tổng Công ty Viglacera thực hiện công bố thông tin về việc thoái vốn và Bản công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và của CTCP Chứng khoán Bảo Việt.

2. Về việc báo cáo và xác nhận kết quả thoái vốn

– Đề nghị Tổng Công ty Viglacera thực hiện báo cáo kết quả thoái vốn tới Chủ sở hữu Nhà nước, Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) theo quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.

– Sau khi có ý kiến của Chủ sở hữu Nhà nước về kết quả thoái vốn, đề nghị Tổng Công ty Viglacera thông báo kết quả thoái vốn tới UBCKNN.

Trên đây là ý kiến của UBCKNN về Hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn của Tổng Công ty Viglacera./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BVSC;
- Lưu: VT, QLCB, 04.

TL. CHỦ TỊCH
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Lê Thị Thu Hà

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC THOÁI VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH GÒ VẤP THÔNG QUA ĐẤU GIÁ

(Theo Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Địa chỉ : Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ : 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : (84-8) 3914 6888
Website : www.bvsc.com.vn

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
Trụ sở : Số 1 Đại lộ Thăng Long, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3553 6660
Fax : (84-4) 3553 6671
Website : www.viglacera.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:
Họ tên: Võ Thị Kim Liên Điện thoại: (84-0650) 374 0902

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2016

- Tổng Công ty Viglacera thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg
- Nghị quyết số 148/TCT-HĐQT ngày 22/10/2015 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Viglacera thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty Viglacera tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp.
- Điều kiện thoái vốn: Theo khoản 2 Điều 8 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg
- Hình thức thoái vốn: Theo Khoản 1 Điều 8 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg

Tên cổ phiếu: Cổ phần Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp

Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần

Giá bán: 104.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng thực hiện thoái vốn: 5.000 cổ phần

Tổng giá trị thoái vốn (theo mệnh giá): 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng Việt Nam).*

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 4

1. Đại diện tổ chức thực hiện thoái vốn 4
2. Đại diện tổ chức tư vấn 4

II. CÁC KHÁI NIỆM 4

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH 51 5

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 5
2. Mối quan hệ với công ty có cổ phiếu được chào bán 7
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/ tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành 7
4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu 7

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOÁI VỐN 8

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 8
2. Cơ cấu tổ chức công ty 9
3. Danh sách công ty mẹ và công ty con: 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và 2014 10
5. Chính sách đối với người lao động 12
6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 13
7. Danh sách tài sản là bất động sản của Công ty đang sở hữu hoặc đang cho thuê: 14
8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015 14
9. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 15
10. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn 15

V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN 16

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông 16
2. Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần 16
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến thoái vốn: 5.000 cổ phần 16
4. Giá thoái vốn: 104.000 đồng/cổ phần 16
5. Phương pháp tính giá: 16
6. Phương thức thoái vốn: 16
7. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần: 16
8. Thời gian thực hiện thoái vốn: 16
9. Đăng ký mua cổ phiếu 17
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: 17
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: 17
12. Các loại thuế có liên quan: 17

VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN 18

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ 18

VIII. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOÁI VỐN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY 18

IX. PHỤ LỤC 18

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. **Đại diện tổ chức thực hiện thoái vốn**

CÔNG TY KÍNH NỔI VIGLACERA – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY VIGLACERA

- Ông **Nguyễn Minh Khoa** - Chức vụ: Giám đốc

(Theo ủy quyền tại công văn số 244/TCT – HĐQT ngày 30/06/2015 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera về việc giao nhiệm vụ cho Công ty Kính Nổi Viglacera thực hiện thoái vốn Tổng công ty)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. **Đại diện tổ chức tư vấn**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

- Ông **Võ Hữu Tuấn** - Chức vụ: Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký thoái vốn do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 102/2015/BVSC.HCM-KNV/TV-ĐG ngày 28/10/2015 được ký kết giữa Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt với Công ty Kính nổi Viglacera – CN Tổng công ty Viglacera về tư vấn chào bán vốn của Tổng công ty Viglacera tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty / TTGV: Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp
- Tổ chức thực hiện đấu giá: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- BVSC: Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- ROA: Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
- ROE: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH 51

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tên giao dịch trong nước	: TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
Tên giao dịch quốc tế	: VIGLACERA CORPORTION
Tên viết tắt	: VIGLACERA
Vốn điều lệ	: 2.645.000.000.000 đồng
	(Bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm bốn lăm tỷ đồng)
Trụ sở	: Số 1 Đại lộ Thăng Long - Hà Nội
Điện thoại	: (84-4) 3553 6660
Fax	: (84-4) 3553 6671
Website	: www.viglacera.com.vn
Biểu tượng công ty	:

VIGLACERA

Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển

Tổng Công ty Viglacera – CTCP (tên trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng) là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng tại Việt Nam cả về năng lực sản xuất, loại hình, mẫu mã và chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhiều phân khúc thị trường từ bình dân đến cao cấp.

Sản phẩm của Tổng công ty đóng góp 20 triệu USD kim ngạch xuất khẩu/năm của ngành xây dựng, hiện có mặt tại trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Những sản phẩm chính nổi bật của VIGLACERA bao gồm:

• Kính xây dựng: Sản phẩm chiếm 40% tổng công suất thiết kế toàn ngành với cơ sở hạ tầng công nghệ hiện đại, trong đó nhiều sản phẩm lần đầu tiên được đưa ra thị trường như sản phẩm kính đạt chất lượng Châu Âu: EN 572-2:2004 đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phôi kính sản xuất kính tiết kiệm năng lượng (Low-E),...

• Sứ vệ sinh: Sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đại đa số người dân Việt Nam và tiếp cận đến thị trường cao cấp, năng lực sản xuất sản phẩm sứ tương đương với 10% năng lực sản xuất toàn ngành. Sen vòi là sản phẩm phụ trợ và được đồng bộ hóa cùng với nhóm sứ vệ sinh truyền thống và tạo nên giá trị gia tăng cho các sản phẩm sứ vệ sinh.

• Sản phẩm gạch ceramic và granite: Tổng công suất khoảng 20 triệu m2/năm, gạch ceramic 14 triệu m2/năm tương đương 6% năng lực sản xuất ngành, gạch granite 6 triệu m2/năm tương đương 11% năng lực sản xuất ngành.

• Sản phẩm đất nung: Tổng sản lượng sản xuất gạch xây, ngói lợp, gạch chè đạt trên 1,4 tỷ viên QTC/năm chiếm 3% năng lực ngành. Gạch cotto đạt 6,6 triệu m2/năm, khoảng 50%

năng lực ngành.

VIGLACERA SỞ HỮU CHUỖI SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG BỘ

VIGLACERA chú trọng đa dạng hóa sản xuất và sản phẩm nhằm cung cấp trọn gói và đồng bộ các loại vật liệu xây dựng cho các dự án lớn tại thị trường trong nước và quốc tế, xây dựng chuỗi cung ứng từ nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

Trong hoạt động sản xuất, các đơn vị thành viên cũng rất tích cực hỗ trợ lẫn nhau trong công nghệ và phát triển thị trường. Đối với mỗi lĩnh vực sản xuất đều có những đầu mối tạo lập thị trường cho các đơn vị thành viên nhằm đảm bảo đồng bộ hóa hoạt động bán hàng và quản lý chất lượng sản phẩm.

Hệ thống showroom đồng bộ trưng bày và bán sản phẩm chuyên nghiệp tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Ngoài ra, các đơn vị thành viên cũng có mạng lưới showroom khắp 3 miền.

VIGLACERA LÀ ĐƠN VỊ TIÊN PHONG TRONG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MỚI TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

VIGLACERA là đơn vị đầu tiên đưa công nghệ mới, công nghệ nguồn và chuyển giao công nghệ hiện đại để sản xuất vật liệu xây dựng như: kính xây dựng (năm 1994), sứ vệ sinh và gạch ốp lát ceramic (năm 1994), granite (năm 1996), gạch cotto (năm 2002)....

VIGLACERA còn tiên phong trong đầu tư và ứng dụng những công nghệ mới nhất vào sản xuất như: công nghệ lò nung tuynen (1990), công nghệ phủ 2 lớp Nano (2009)... nhằm nâng cao giá trị cho các chủng loại sản phẩm truyền thống..

VIGLACERA LÀ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN TIN CẬY CÓ DANH MỤC ĐA DẠNG PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG

Tổng công ty đã triển khai 15 dự án có quy mô lớn bao gồm đầu tư hạ tầng khu công nghiệp cho thuê, đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở để bán và khu thương mại - văn phòng cho thuê.

Từ năm 2012 trở lại đây, VIGLACERA đã triển khai nhiều dự án nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội như: Dự án khu nhà ở dành cho công nhân tại Khu công nghiệp Yên Phong (Bắc Ninh), khu ký túc xá sinh viên Trường cao đẳng nghề Viglacera ở huyện Yên Phong (Bắc Ninh), dự án 1.000 căn hộ dành cho người có thu nhập thấp tại khu đô thị Đặng Xá (Gia Lâm, Hà Nội), dự án khu nhà ở thu nhập thấp ở Đại Mỗ (Từ Liêm, Hà Nội)... đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của dư luận xã hội và được lãnh đạo Bộ Xây dựng, lãnh đạo thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh đánh giá cao, coi đây là một hình mẫu doanh nghiệp tiêu biểu đi đầu trong thực hiện trách nhiệm xã hội.

Ở mảng nhà ở thu nhập thấp, VIGLACERA tiên phong chuyển đổi dự án và là đơn vị đầu tiên được hỗ trợ từ gói 30.000 tỷ đồng của Chính phủ.

ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC GẮN BÓ LÂU NĂM, CÓ NHIỀU KINH NGHIỆM VÀ CHUYÊN MÔN CAO

Tổng công ty Viglacera - CTCP có đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỉ trọng cao, hầu hết người lao động đều có kỹ thuật tay nghề giỏi đã qua đào tạo.

Đội ngũ lãnh đạo có chuyên môn cao, kinh nghiệm và năng lực quản lý, gắn bó trên 05 năm giúp Tổng công ty đảm bảo sự nhất quán trong điều hành chiến lược và tính định hướng kế thừa với đội ngũ lao động trẻ tuổi.

Áp dụng những chính sách đãi ngộ về cơ sở vật chất, môi trường làm việc, đào tạo và phúc lợi tốt nhằm tạo gắn kết giữa nhân viên và Tổng công ty.

2. Mối quan hệ với công ty có cổ phiếu được chào bán

Tổng công ty Viglacera - CTCP là cổ đông tổ chức của Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp.

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/ tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp là 118.742 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu Tổng công ty Viglacera - CTCP đang sở hữu tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp là 5.000 cổ phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/cp.

Số lượng cổ phiếu chào bán 5.000 cổ phiếu.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/ tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 4,21%.

4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu

Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu là **100%**.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOÁI VỐN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp là nhà máy thủy tinh Gò Vấp, là doanh nghiệp nhà nước được thành lập ngày 10/08/1976, trên cơ sở quốc hữu hóa Công ty Thủy tinh Nam Mỹ và được thành lập lại theo Nghị định 388/HĐBT. Ngày 28/04/1993, Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp nhẹ đã có quyết định số 382/CNn cho phép doanh nghiệp được thành lập.

Kể từ khi thành lập, Nhà máy đã lần lượt triển khai sản xuất ống tiêm bao bì cho ngành dược, sản xuất, tiêu thụ theo kế hoạch nhà nước giao. Năm 1986 thực hiện chủ trương của Đảng chuyển sang nền kinh tế thị trường, tư chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà máy đã làm ăn có lãi, nâng cao đời sống cho CBCNV và đầu tư mở rộng nhà máy.

Hiện tại, Công ty chuyên sản xuất thủy tinh để xuất khẩu đến thị trường Châu Âu. Công ty cung cấp khoảng 3.000 mẫu thủy tinh các loại, đa số là thủy tinh dùng cho việc trang trí và được sản xuất bằng phương pháp thổi thủ công, phương pháp được tiếp cận từ Châu Âu.

Thủy tinh đa dạng về chủng loại, kích thước và màu sắc. Các màu phổ biến của thủy tinh như xanh lá, xanh biển, xanh ngọc, màu cam, tím.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH GÒ VẤP
- Tên tiếng Anh : GO VAP GLASS JOINT STOCK COMPANY
- Biểu tượng của Công ty:

COMPANY PROFILE
GLASS
Since 1960

- Vốn điều lệ : 11.874.200.000 đồng
- Địa chỉ : 26 Nguyễn Thượng Hiền, P.1, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
- Điện thoại : 84-8.38431924 Fax: 84-8.38945717
- Email: : govapglass@hcm.fpt.vn
- Website : http://www.govapglass.com/
- Giấy CNĐKKD: Số 063381 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/1998 và thay đổi gần nhất ngày 24/08/2001
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng thủy tinh, gốm sứ, các hóa chất, thiết bị chuyên ngành, thương mại, dịch vụ các ngành hàng khác theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu cổ đông của TTGV tại ngày 30/09/2015:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**		
	- Pháp nhân	8.000	6,74
	- Cá nhân	110.742	93,26
2	**Cổ đông nước ngoài**		
	- Pháp nhân	0	0
	- Cá nhân	0	0
	Tổng cộng	**118.742**	**100,00**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 30/09/2015:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Chính	64.800	54,57
2	Dương Mạnh	16.433	13,84
3	Hà Thị Thu Huyền	15.000	12,63
	Tổng cộng	**96.233**	**81,04**

2. Cơ cấu tổ chức công ty

2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức TTGV:

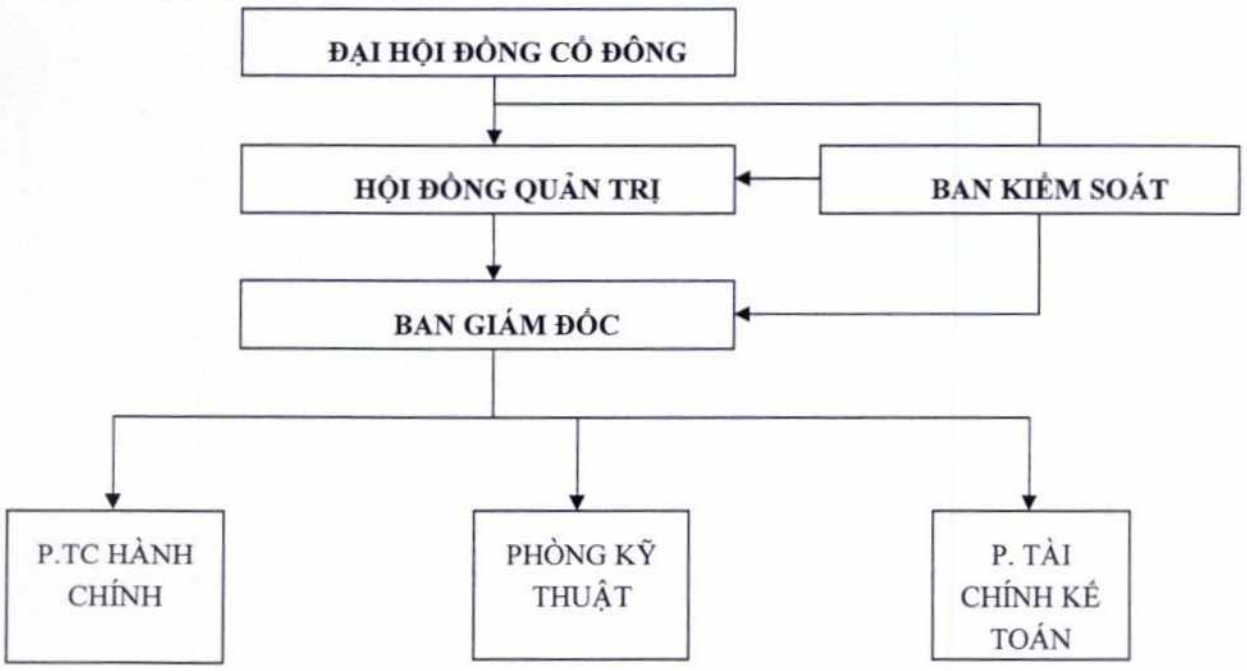

(Nguồn: TTGV)

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông: ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ Đông, do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu. Ban Kiểm Soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc: là bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm điều hành dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, nhằm thực hiện các nghị quyết, các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Danh sách công ty mẹ và công ty con:

Công ty mẹ: Không có

Công ty con, công ty liên kết: không có

4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và 2014

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% +/-
1	Tổng tài sản	4.029.921.357	3.944.120.454	-2,1%
2	Doanh thu thuần	3.022.477.132	2.556.975.740	-15,4%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133.666.132	142.678.719	6,7%
4	Lợi nhuận khác	-	-	0,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	133.666.132	142.678.719	6,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	105.413.758	114.142.975	8,3%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

(Nguồn: Báo cáo tài chính chưa kiểm toán 2013, 2014 của TTGV)

Ghi chú: TTGV không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 và 2014.

- Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 và 2014

a) Thuận lợi

- Có nhiều kinh nghiệm trong ngành nhờ tiền thân công ty là một trong những nhà máy sản xuất thủy tinh lâu năm nhất ở Việt Nam, được thành lập từ năm 1960.
- Danh mục sản phẩm khá đa dạng với hơn 3.000 mẫu thủy tinh các loại...tạo điều kiện thuận lợi trong việc đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm và gắn bó với Công ty.

b) Khó khăn

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi nêu trên, trong 2 năm gần đây, Công ty cũng gặp phải một số yếu tố khó khăn sau:

- Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty gặp khó khăn do các lò nấu thủy tinh đang tăng dần thị trường nội địa nên không chú trọng đến chất lượng thủy tinh. Từ đó ảnh hưởng đến hợp đồng xuất khẩu do chất lượng không ổn định.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, chủ yếu cạnh tranh về giá cả (sản phẩm cạnh tranh của công ty là hàng thủy tinh nhập từ Trung Quốc, Thái Lan và Indonesia) nên công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc mở rộng thị trường cũng như hiệu quả kinh doanh không cao.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA CTCP THỦY TINH GÒ VẤP

CR-398	LB-1492	Bình hoa trơn
B-005Q	**LH-1160, L-1157M, CR-385S (Chai lọ thủy tinh BLUE)**	**LTL-97, LTL-97B, LTL-98**

HGV-1444	LTL-97, LTL-97N	LC-258, D54 X H 225, CD2164
	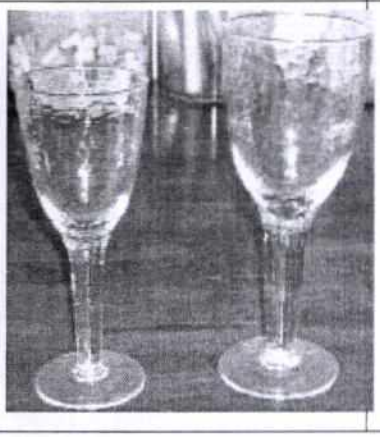	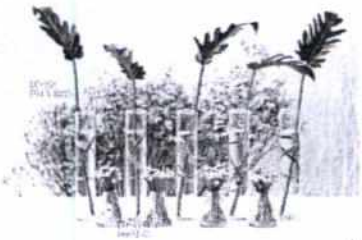

5. Chính sách đối với người lao động

5.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động chính thức của Công ty tại thời điểm 30/09/2015 là 07 người, cơ cấu lao động theo chức năng quản lý và trình độ được thể hiện ở bảng sau:

Stt	Khoản mục	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Theo chức năng quản lý			
1	Ban Tổng Giám đốc	1	14,29
2	Lãnh đạo phòng ban, Phân xưởng	1	14,29
3	Cán bộ, nhân viên văn phòng, phát triển kinh doanh	4	57,14
4	Tạp vụ, Bảo vệ, tài xế, kho	1	14,29
Phân theo trình độ			
1	Đại học	2	28,57
2	Trung cấp, cao đẳng	2	28,57
3	Khác	3	42,86
	Tổng cộng	**7**	**100,00**

(Nguồn: TTGV)

5.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và

được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để "chiêu hiền đãi sĩ", thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm, ISO,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo sản phẩm, hệ số lương được xét dựa theo cấp bậc và tay nghề.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Chi quỹ phúc lợi đảm bảo đúng mục đích.

6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	4,54

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014
-	Hệ số thanh toán nhanh	lần	3,00
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**		
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,21
-	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	0,26
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**		
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	1,34
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	0,64
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**		
-	Hệ số LN sau thuế / DT thuần	%	4,5%
-	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	3,7%
-	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản	%	2,9%
-	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần	%	5,6%

(Nguồn: TTGV)

7. Danh sách tài sản là bất động sản của Công ty đang sở hữu hoặc đang cho thuê:

Stt	Diễn giải	Diện tích đất (m2)	Mục đích sử dụng
1	Nhà 1 trệt , 2 lầu	400	Văn phòng giao dịch, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, kho, gia công.
2	Đất thuê 50 năm	600	
Tổng cộng		**1.000**	

(Nguồn: TTGV)

8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	
				Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
1	Vốn Điều lệ	đồng	11.874.200.000	11.874.200.000	0,0%
2	Doanh thu	đồng	2.556.975.740	3.000.000.000	17,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	114.142.975	150.000.000	31,4%
4	Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	4,5%	5,0%	12,0%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	1,0%	1,3%	31,4%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	
				Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
6	Tỷ lệ cổ tức	đồng/cp	0	0	0%

(Nguồn: TTGV)

- **Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015:**

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2015 được xây dựng dựa trên các căn cứ sau đây:

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Giữ vững thị trường các sản phẩm truyền thống, tăng cường phát triển sản phẩm mới,
- Để phù hợp với xu thế phát triển và sự cạnh tranh ngày càng cao trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh kính thủy tinh, trong khả năng của mình Công ty từng bước đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại hơn, tuyển dụng lao động có trình chuyên môn kỹ thuật cao.
- Tăng cường các biện pháp nhằm kiểm soát chi phí sản xuất – kinh doanh (chủ yếu cải thiện khâu quản lý nguyên vật liệu tồn kho nhằm giảm bớt nguyên vật liệu dự trữ từ đó nâng cao vòng quay hàng tồn kho), tiết giảm chi phí bán hàng và quản lý, cải thiện kỹ thuật – đảm bảo chất lượng, tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm đa dạng hóa mẫu mã, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Hoạt động bán hàng:

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá và tiếp thị có định hướng;
- Tái cơ cấu danh mục sản phẩm, ưu tiên tăng tỷ trọng nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận gộp cao và đang được khách hàng ưa chuộng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hoạt động tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, ổn định và từng bước nâng cao đòn bẩy tài chính trong điều kiện hiệu quả kinh doanh công ty được cải thiện.

9. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

10. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn

Không có.

V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến thoái vốn: 5.000 cổ phần

- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 10 cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: 5.000 cổ phần

4. Giá thoái vốn: 104.000 đồng/cổ phần

- Giới hạn mức giá đặt mua: Người đăng ký tham dự đấu giá chỉ được phép đặt mua với 01 *(một)* mức giá
- Bước giá: 1.000 đồng (*một nghìn đồng*)

5. **Phương pháp tính giá:**

Theo Nghị quyết số 148/TCT-HĐQT ngày 22/10/2015 của Hội đồng thành viên của Tổng công ty Viglacera về việc phê duyệt phương án chào bán phần vốn góp của Tổng công ty Viglacera tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp, giá khởi điểm đấu giá là 104.000 đồng/cổ phần.

6. **Phương thức thoái vốn:**

Thoái vốn cổ phần của Tổng công ty Viglacera tại TTGV bằng hình thức đấu giá cạnh tranh công khai thông qua Đại lý đấu giá: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

7. **Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần:**

- ***Thời gian tổ chức buổi đấu giá: Theo thời gian được quy định tại Quy chế đấu giá.***
- ***Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:***
  - **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**
  - Địa chỉ : Tòa nhà Bảo Việt, số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: (84.8) 3914 6888 Fax: (84.8) 3914 7999
- ***Thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá:*** Theo quy định tại Quy chế đấu giá.
- ***Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:*** Theo quy định tại Quy chế đấu giá.
- ***Địa điểm:*** Theo quy định tại Quy chế đấu giá.
- ***Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:*** tương tự như phương thức nộp tiền đặt cọc mua cổ phần.

8. **Thời gian thực hiện thoái vốn:**

Theo quy chế đấu giá do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ban hành, dự kiến thời gian thực hiện thoái vốn trong Quý I+II/2016.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy chế đấu giá
- Tổng số cổ phần thực hiện thoái vốn: 5.000 cổ phần.
  - Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 10 cổ phần.
  - Số lượng cổ phần nhà đầu tư đăng ký mua tối đa: 5.000 cổ phần.
- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Đại lý đấu giá (nơi làm thủ tục đăng ký)
- Chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá cổ phiếu
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Được nhận chuyển nhượng đủ số cổ phiếu đấu giá thành công.
- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Theo quy chế đấu giá

Tất cả các nội dung trên có thể được điều chỉnh và sẽ thực hiện theo quy định tại quy chế đấu giá cổ phiếu.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 49% tổng số vốn điều lệ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Hiện tại tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài là 0% vốn cổ phần của Công ty.

Số lượng cổ phần chào bán thông qua đấu giá là 5.000 cổ phần, chiếm 4,21% vốn điều lệ của Công ty. Như vậy, trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua tối đa số lượng cổ phần bán đấu giá thì vẫn đảm bảo tỷ lệ nắm giữ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Toàn bộ 5.000 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

12. Các loại thuế có liên quan:

Công ty tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ về thuế có liên quan theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN

Cơ cấu lại danh mục đầu tư của Tổng công ty Viglacera – CTCP.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ

1. **Tổ chức bảo lãnh phát hành:** không
2. **Tổ chức tư vấn và thực hiện đấu giá bán cổ phần.**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính:	Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.		
Điện thoại:	(84-4) 3928 8080	Fax:	(84-4) 3928 9888
Chi nhánh:	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		
Điện thoại:	(84-8) 3914 6888	Fax:	(84-8) 3914 7999
Website :	http://www.bvsc.com.vn.		

VIII. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOÁI VỐN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY

Bản công bố thông tin này đã được Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt xây dựng một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Kính nổi Viglacera – Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera CTCP cung cấp.

Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực - phù hợp với thực tế - đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản - hoạt động - tình hình tài chính - kết quả và triển vọng của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp là báo cáo chưa được kiểm toán. Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu - đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Tổng Công ty Viglacera CTCP được miễn trách nhiệm trong trường hợp Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

IX. PHỤ LỤC

- Báo cáo tài chính chưa kiểm toán năm 2014 của Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp;
- Nghị quyết số 148/TCT-HĐQT ngày 22/10/2015 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Viglacera thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty Viglacera tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp;
- Công văn số 244/TCT – HĐQT ngày 30/06/2015 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera về việc giao nhiệm vụ cho Công ty Kính Nổi Viglacera thực hiện thoái vốn Tổng công ty;
- Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

Tp. HCM, ngày 13 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
TƯ VẤN &THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC

Võ Hữu Tuấn
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
THOÁI VỐN/TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG TY KÍNH NỔI VIGLACERA CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY VIGLACERA -CTCP

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Khoa

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Số: 149 /TCT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2015

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
(Phiên họp bất thường)

Ngày 22 tháng 10 năm 2015, Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP đã họp phiên bất thường để nghị quyết về việc thông qua Phương án thoái vốn Tổng công ty tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp.

Các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có mặt 5/5 đồng chí.

Chủ trì cuộc họp: Ông Luyện Công Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thư ký: Ông Lưu Văn Lấu - Thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/07/2014.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Tổng công ty Viglacera - CTCP được cổ đông thông qua ngày 20/04/2015.

Căn cứ vào chứng thư định giá giá trị cổ phần của Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp do Công ty CP Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam thẩm định số 121//15CT-VVFC/CNMN ngày 26 tháng 08 năm 2015.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP nhất trí thông qua Phương án thoái vốn Tổng công ty tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp như sau:

1. Thoái 100% vốn Tổng công ty đầu tư tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp bằng 5.000 cổ phần, giá trị theo mệnh giá 500.000.000 đồng (4,2% vốn điều lệ).
2. Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá là 104.000 đồng/cổ phần.

   (Một trăm lẻ bốn nghìn đồng)
3. Thời gian thực hiện: Quí 4/2015 và tháng 01/2016.
4. Đơn vị tư vấn bán đấu giá: Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt.

Hội đồng quản trị nhất trí (100%) thông qua Nghị quyết và ký tên dưới đây.

1. Ông Luyện Công Minh.....

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn.....

3. Ông Trần Ngọc Anh .....

4. Ông Nguyễn Quý Tuấn .....

5. Ông Lưu Văn Lấu.....

Thư ký cuộc họp	Chủ trì cuộc họp
Lưu Văn Lấu	Luyện Công Minh

Liên

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

Số: 244 /TCT- HĐQT
V/v: Giao nhiệm vụ cho Công ty kính nổi Viglacera thực hiện thoái vốn Tổng công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2015

CÔNG TY KÍNH NỔI VIGLACERA
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 237
Ngày 03/7/2015

Kính gửi: Ông Giám đốc Công ty Kính nổi Viglacera

Thực hiện đề án tái cơ cấu đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 609/QĐ-BXD ngày 24/06/2013 về việc tái cấu trúc Tổng công ty Viglacera đến năm 2015 có tính đến năm 2020.

Ngày 02/06/2015 Tổng công ty nhận được văn bản số 251/VIFG-TCKT xin phê duyệt một số nội dung chủ yếu về việc bán phần vốn Tổng công ty tại Công ty cổ phần Thủy tinh Gò Vấp, Tổng công ty có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương để Công ty Kính nổi Viglacera thay mặt Tổng công ty tiến hành các thủ tục thoái vốn như tờ trình số 251/VIFG-TCKT Ngày 02/06/2015 Công ty Kính nổi Viglacera trình Tổng công ty.

2. Sau khi được các đơn vị tư vấn trình thẩm định giá, phương án thoái vốn, Công ty Kính nổi Viglacera trình Tổng công ty phê duyệt phương án để thực hiện tiến hành thoái vốn theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc báo cáo Tổng công ty để được xem xét và giải quyết kịp thời.

Nơi nhận:
- Như trên
- TGĐ-TCT
- Ban TCKT
- Ban KS TCT
- Lưu VP, HĐTV-TCT.

M.S.D.N: 0100108173 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA CTCP
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
Luyện Công Minh

QUY ĐỊNH

1/- Sổ chứng nhận cổ đông này chỉ có giá trị xác nhận, theo dõi về cổ đông

2/- Sở hữu cổ phần của cổ đông được lưu quản bằng bút tích và dữ liệu tại Công Ty

3/- Mọi sự chuyển nhượng sở hữu cổ phần phải thông qua thủ tục chuyển nhượng tại Công Ty và phải có xác nhận của Chủ Tịch HĐQT hoặc đại diện được ủy quyền

4/- Khi Công Ty niêm yết trên TTCK, việc lưu kí và quản lý cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định quy định của pháp luật về TTCK ,

5/- Sổ "CHỨNG NHẬN CỔ ĐÔNG" này phải được giữ gìn cẩn thận, khi bị rách, hư hỏng, nhòe, mờ hoặc bị thất lạc phải báo ngay bằng văn bản cho Công Ty hoặc đại diện được Công Ty ủy quyền để xử lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH GÒ VẤP

GLASS

SỔ CHỨNG NHẬN CỔ ĐÔNG

Địa chỉ: 26 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 1
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: 38431924 - 38940805 - 39853727
E-mail: govapglass@hcm.fpt.vn
Website: govapglass.com

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH GÒ VẤP

CHỨNG NHẬN

Tên cổ đông: Tổng Công ty Viglacera - CTCP
Mã số cổ đông: GV - 005
CMND (Giấy CNĐKKD) số: 1001108173
Ngày cấp: 01-10-2010 Nơi cấp: Sở KH và ĐT Hà Nội
Điện thoại: 0983153455
Số lượng cổ phần sở hữu: 5 000 cổ phần
Loại cổ phần: phổ thông
Mệnh giá: 100 000 đồng / cổ phần
Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá: 500 000 000
Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2014

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH
PHẠM VĂN CHÍNH

PHẦN THEO DÕI TĂNG GIẢM CỔ PHẦN

Ngày	Ghi tăng	Ghi giảm	Số dư cuối	Xác nhận
20/05/2014		(Năm nghìn cổ phần)	5 000 cp	

CỔ PHẦN CHÍNH

GIÁM ĐỐC
HÀ THỊ THU HUYỀN

TỔNG CỤC THUẾ

Số: 0320112949261/2015/TB-iHTKK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
----------oOo----------
Ngày 20 tháng 03 năm 2015

THÔNG BÁO
V/v: Xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế qua mạng

Kính gửi: Cty Cổ Phần Thuỷ Tinh Gò Vấp
Mã số thuế: 0301481071

11 Giờ 29 Phút 50 Giây, Ngày 20/03/2015, Cơ quan Thuế đã nhận được hồ sơ khai thuế của đơn vị, gồm có:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Nơi nộp
1	QĐ 15/2006-BTC - Bộ báo cáo tài chính	Chính thức	2014	3	Chi cục Thuế Quận Gò Vấp

Để tra cứu thông tin đã kê khai, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: http://kekhaithue.gdt.gov.vn

Ghi chú: Thông báo này được gửi tự động từ hệ thống nhận tờ khai qua mạng của Cơ quan Thuế

"Nộp hồ sơ khai thuế qua mạng là sự lựa chọn thông minh của bạn"

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH GÒ VẤP

CHỦ TỊCH
PHẠM VĂN CHÍNH

-Ký bởi: Tổng Cục Thuế
-Ký ngày: 20/03/2015 11:29:49 (Asia/Bangkok)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B-01/DN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ 15 BCTC

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2014

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH GÒ VẤP
[03] Mã số thuế: 0301481071
[04] Địa chỉ: 26 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN P.1 **[05] Quận/Huyện:** GÒ VẤP **[06] Tỉnh/Thành phố:** HCM
[07] Điện thoại: **[08] Fax:** **[09] E-mail:**

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	**A - Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)**	**100**		**3714800641**	**3.764.607.456**
I	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)**	**110**		**1853058127**	**1.994.506.939**
1	1. Tiền	111	V.I	1853058127	1.994.506.939
2	2. Các khoản tương đương tiền	112	V.I	0	0
II	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)**	**120**		**0**	**0**
1	1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.XI	0	0
2	2. Đầu tư dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)(2)	129		0	0
III	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130=131+132+133+134+135+139)**	**130**		**63403588**	**26.960.093**
1	1. Phải thu cho khách hàng	131	V.II	33007725	23.370.426
2	2. Phải trả trước cho người bán	132		3597667	3.589.667
3	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.II	0	0
4	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5	5. Các khoản phải thu khác	135	V.II	26798196	0
6	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.II	0	0
IV	**IV. Hàng tồn kho (140=141+149)**	**140**		**1258458501**	**1.230.516.151**
1	1. Hàng tồn kho	141	V.III	1258458501	1.230.516.151
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V	**V. Tài sản ngắn hạn khác (150=151+152+154+158)**	**150**		**539880425**	**512.624.273**
1	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		539339871	512.083.719
3	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.IV	540554	540.554
4	4. Tài sản ngắn hạn khác	158		0	0
B	**B - Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)**	**200**		**229319813**	**265.313.901**
I	**I. Các khoản phải thu dài hạn (210=211+212+213+218+219)**	**210**		**0**	**0**
1	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.V	0	0
2	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4	4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II	**II. Tài sản cố định (220=221+224+227+230)**	**220**		**229319813**	**265.313.901**
1	**1. Tài sản cố định hữu hình (221=222+223)**	**221**	V.VI	202994165	**238.988.253**

-	-Nguyên giá	222		2256078665	1.940.062.953
-	-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		-2053084500	(1.701.074.700)
2	**2. Tài sản cố định thuê tài chính (224=225+226)**	**224**	V.VII	0	0
-	-Nguyên giá	225		0	0
-	-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		0	0
3	**3. Tài sản cố định vô hình (227=228+229)**	**227**	V.VIII	26325648	26.325.648
-	-Nguyên giá	228		26325648	26.325.648
-	-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		0	0
4	**4. Chi phí xây dựng dở dang**	**230**	V.IX	0	0
III	**III. Bất động sản đầu tư (240=241+242)**	**240**	V.X	**0**	**0**
-	-Nguyên giá	241		0	0
-	-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242		0	0
IV	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (250=251+252+258+259)**	**250**	V.XI	**0**	**0**
1	1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		0	0
V	**V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)**	**260**		**0**	**0**
1	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.XII	0	0
2	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.XIII	0	0
3	3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**3944120454**	**4029921357**
	NGUỒN VỐN				
A	**A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**818754158**	**1.018.098.036**
I	**I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+...+319+320+323)**	**310**		**818754158**	**1.018.098.036**
1	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.XIV	0	0
2	2. Phải trả người bán	312	V.XV	295820300	501.410.300
3	3. Người mua trả tiền trước	313	V.XV	329326565	331.757.263
4	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.XVI	17393115	8.716.295
5	5. Phải trả người lao động	315		0	0
6	6. Chi phí phải trả	316	V.XVII	0	0
7	7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8	8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		0	0
9	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.XVIII	176214178	176.214.178
10	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	0
II	**II. Nợ dài hạn (330=331+332+...+338+339)**	**330**	V.XXI	**0**	**0**
1	1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2	2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3	3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4	4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0

7	7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8	8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B	B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		3.125.366.296	3.011.823.321
I	I. Vốn chủ sở hữu (410=411+412+....+421+422)	410		3.125.366.296	3.011.823.321
1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VXXI	11.874.200.000	11.874.200.000
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		435.848.000	435.848.000
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4	4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7	7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8	8. Quỹ dự phòng tài chính	418		0	0
9	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(9.184.681.704)	(9.298.224.679)
11	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430=432+433)	430		0	0
1	1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2	2. Nguồn kinh phí đã hình thành từ TSCĐ	433		0	0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.944.120.454	4.029.921.357
	CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1	1. Tài sản thuê ngoài			0	0
2	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			0	0
3	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			0	0
4	4. Nợ khó đòi đã xử lý			0	0
5	5. Ngoại tệ các loại			0	0
6	6. Dự toán chi hoạt động			0	0

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
Trịnh Thã Phương	Trịnh Thã Phương	HÀ THỊ THU HUYỀN

GIÁM ĐỐC
HÀ THỊ THU HUYỀN

Ghi chú (*):
(1) Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và "Mã số"
(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)
(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X"

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.556.975.740	3.022.477.132
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**2.556.975.740**	**3.022.477.132**
4	Giá vốn hàng bán	11		1.667.413.650	1.938.735.187
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**889.562.090**	**1.083.741.945**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	127.326.636	2.154.676
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	24		276.196.826	470.127.505
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		598.013.181	482.102.984
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))**	**30**		**142.678.719**	**133.666.132**
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**0**	**0**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**142.678.719**	**133.666.132**
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	28.535.744	28.252.374
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**114.142.975**	**105.413.758**
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
Trịnh Nhã Phương	Trịnh Nhã Phương	HÀ THỊ THU HUYỀN

GIÁM ĐỐC
HÀ THỊ THU HUYỀN

Ghi chú (*): Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần.

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRỰC TIẾP

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh**				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.697.938.479	3.173.136.762
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.070.379.000)	(1.683.099.000)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(375.824.421)	(300.488.466)
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(19.858.924)	(36.526.692)
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		171.366.189	137.515.903
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(420.792.384)	(454.941.904)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20=01+02+...+06+07)	**20**		**(17.550.061)**	**835.596.603**
II	**II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư**				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(123.298.751)	(758.000)
2	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, và tài sản dài hạn khác	22		0	0
3	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ cho các đơn vị khác	24		0	0
5	5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác	25		0	0
6	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty khác	26		0	0
7	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30=21+22+...+26+27)	**30**		**(123.298.751)**	**(758.000)**
III	**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		100.000.000	0
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(100.000.000)	0
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(600.000)	0
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)	**40**		**(600.000)**	**0**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(141.448.812)**	**834.838.603**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1.994.506.939**	**1.159.668.336**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=70+60+61)	**70**		**1.853.058.127**	**1.994.506.939**

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
Trịnh Nhã Phương	Trịnh Nhã Phương	HÀ THỊ THU HUYỀN

Ghi chú (*): Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và "Mã số".

GIÁM ĐỐC
HÀ THỊ THU HUYỀN

TỔNG CỤC THUẾ

Số: 0320134637119/2015/TB-iHTKK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
----------oOo----------
Ngày 20 tháng 03 năm 2015

THÔNG BÁO
V/v: Xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế qua mạng

Kính gửi: Cty Cổ Phần Thuỷ Tinh Gò Vấp
Mã số thuế: 0301481071

13 Giờ 46 Phút 37 Giây, Ngày 20/03/2015, Cơ quan Thuế đã nhận được hồ sơ khai thuế của đơn vị, gồm có:

STT	Tờ khai/Bảng kê	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp
1	Thuyết minh báo cáo tài chính	Chính thức	2014	3

Để tra cứu thông tin đã kê khai, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: http://kekhaithue.gdt.gov.vn

Ghi chú: *Thông báo này được gửi tự động từ hệ thống nhận tờ khai qua mạng của Cơ quan Thuế*

"Nộp hồ sơ khai thuế qua mạng là sự lựa chọn thông minh của bạn!"

-Ký bởi: Tổng Cục Thuế
-Ký ngày: 20/03/2015 13:46:37 (Asia/Bangkok)

Công Ty Cổ Phần Thủy Tinh Gò Vấp
26 Nguyễn Thượng Hiền, P. 1, Q. Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

2- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ, thương mại

3- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thủy tinh gốm sứ

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày .../...../..... kết thúc vào ngày...../...../.....): Từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/12/2014

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Theo tỉ giá từng thời điểm

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình , thuê tài chính):

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước:
- Chi phí khác:
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng: Hợp đồng, hóa đơn VAT
- Doanh thu cung cấp dịch vụ:
- Doanh thu hoạt động tài chính:
- Doanh thu hợp đồng xây dựng:

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

01- Tiền

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	16.515.618	86.928.924
- Tiền gửi ngân hàng	1.836.542.509	1.907.578.015
- Tiền đang chuyển		
Cộng	**1.853.058.127**	**1.994.506.939**

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết cho từng loại cổ phiếu)				
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết cho từng loại trái phiếu)				
- Đầu tư ngắn hạn khác				
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
Lý do ghi giảm đối với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu Về số lượng: Về giá trị:				

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	26.798.196	
Cộng	**26.798.196**	

04- Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	176.653.000	176.653.000
- Công cụ, dụng cụ	218.292.156	218.292.156
- Chi phí SX, KD dở dang		
- Thành phẩm	102.060.384	203.386.872
- Hàng hóa	761.452.961	632.184.123
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
Cộng	**1.258.458.501**	**1.230.516.151**

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

05- Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
-		
- Các khoản khác phải thu nhà nước:		
Cộng		

06- Phải thu dài hạn nội bộ

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ		
-		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
Cộng		

07- Phải thu dài hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng		

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	....	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	2.085.799.517	17.327.077		90.098.834			2.193.225.428
- Mua trong năm							
- Đầu tư XDCB hoàn thành	123.298.751						123.298.751
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán				(60.445.514)			(60.445.514)
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	2.209.098.268	17.327.077		29.653.320			2.256.078.665
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							1.954.237.175
- Khấu hao trong năm							159.292.839
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán				(60.445.514)			(60.445.514)
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							2.053.084.500
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình							
- Tại ngày đầu năm							238.988.253
- Tại ngày cuối năm							202.994.165

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cho vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	....	Tài sản cố định hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính								
Số dư đầu năm								
- Thuê tài chính trong năm								
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính								
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm								
- Khấu hao trong năm								
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính								
- Tăng khác								
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính								
- Tại ngày đầu năm								
- Tại ngày cuối năm								

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:
* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:
* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình								
Số dư đầu năm	26.325.648							26.325.648
- Mua trong năm								
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp								
- Tăng do hợp nhất kinh doanh								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	26.325.648							26.325.648
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm								
- Khấu hao trong năm								
- Tăng khác								
- Thanh lý nhượng bán								
- Giảm khác								

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Số dư cuối năm								
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình								
- Tại ngày đầu năm								26.325.648
- Tại ngày cuối năm								26.325.648

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

-.....

- .....

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Trong đó: Những công trình lớn		
+ Công trình		
+ Công trình		
+		

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

-.....

-.....

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư vào công ty con (chi tiết theo cổ phiếu của từng công ty con)				
.....				
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu của công ty con + Về số lượng (đối với cổ phiếu) + Về giá trị				

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (chi tiết cho từng cổ phiếu của công ty liên doanh liên kết)				
.....				
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu của công ty liên doanh liên kết + Về số lượng (đối với cổ phiếu) + Về giá trị				
c. Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu				
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				
- Cho vay dài hạn				
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu + Về số lượng (đối với cổ phiếu) + Về giá trị				

14- Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		
Cộng		

15- Vay và nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn		
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng		

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.393.115	8.716.295
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	**17.393.115**	**8.716.295**

17- Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
Cộng		

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết		

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	176.214.178	176.214.178
Cộng	**176.214.178**	**176.214.178**

19- Phải trả dài hạn nội bộ

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ		
.....		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng		

20- Vay và nợ dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a - Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng		
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
b - Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Cộng		

Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống						
- Trên 1 năm đến 5 năm						
- Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

22-Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	...	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	11.874.200.000	435.848.000					-9.403.638.437		2.906.409.563
- Tăng vốn trong năm trước									
- Lãi trong năm trước							105.413.758		105.413.758
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm trước									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm trước	11.874.200.000	435.848.000	0	0	0	0	-9.298.224.679	0	3.011.823.321
Số dư đầu năm nay	11.874.200.000	435.848.000	0	0	0	0	-9.298.224.679	0	3.011.823.321
- Tăng vốn trong năm nay									
- Lãi trong năm nay							114.142.975		114.142.975
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm nay									
- Lỗ trong năm nay									
- Giảm khác							-600.000		-600.000
Số dư cuối năm nay	11.874.200.000	435.848.000	0	0	0	0	-9.184.681.704	0	3.125.366.296

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của nhà nước		
- Vốn góp của đối tượng khác		
-		
Cộng		

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.874.200.000	11.874.200.000
+ Vốn góp đầu năm	11.874.200.000	11.874.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	11.874.200.000	11.874.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ- Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

e- Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển:
- Quỹ dự phòng tài chính:
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể:

-....

-....

23- Nguồn kinh phí

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm		

24- Tài sản thuê ngoài

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài		
- Tài sản khác thuê ngoài		
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống		
- Trên 1 năm đến 5 năm		
- Trên 5 năm		

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	2.556.975.740	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;		

26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	2.556.975.740	
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		

28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.667.413.650	
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
- Lãi đầu từ trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (sửa đổi)		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		

30- Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay		
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác		

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí khác bằng tiền		

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
a - Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
b - Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền		
- Số tiền và các tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ		
c - Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện		

VIII- Những thông tin khác (Bổ sung)

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3 - Thông tin về các bên liên quan:

4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận" (2):

5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6 - Thông tin về hoạt động liên tục:

7 - Những thông tin khác (3):

Lập, ngày 19 tháng 03.. năm 2015.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
TRỊNH NHÃ PHƯƠNG	TRỊNH NHÃ PHƯƠNG	HÀ THỊ THU HUYỀN